CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán Đầu tư Tài chính Việt Nam

Ngày 31/12/2025	5,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.7%	-	-

DT thuần
Q4/25
1.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.02|
YoY: ▲ 1.02|

LN thuần
Q4/25
0
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/25
3.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.51|
YoY: ▼0.96| -21.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3860%
YoY: +/-▲ 3385%

ROE
2025

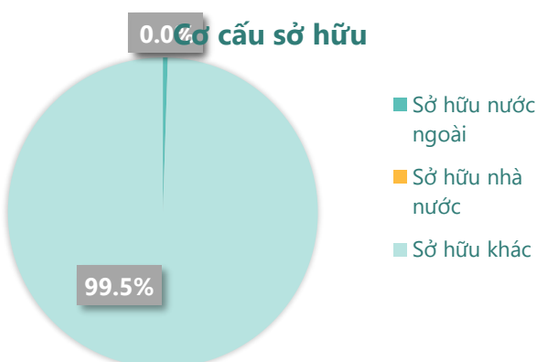
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,500 - 8,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	257
Số lượng CPLH (CP)	45,133,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	98,305
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	1.50
EPS	-33
P/E	-175.1

DT thuần
2025
1.02
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.00| -88.7%

LN thuần
2025
0.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.10| 175%

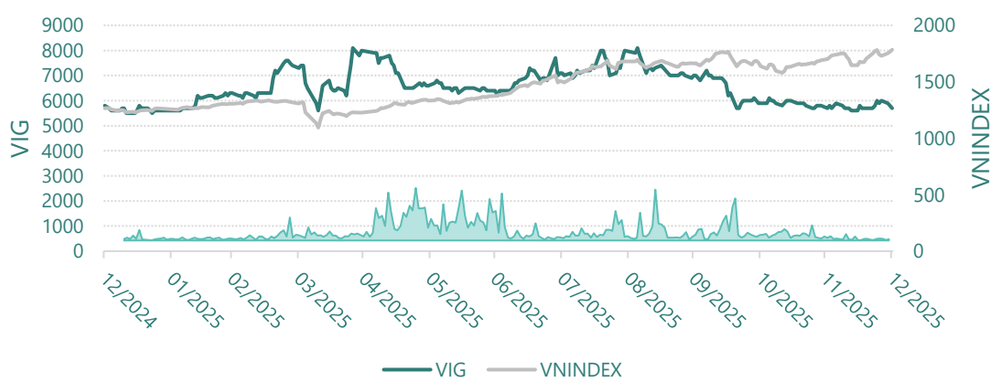
LN sau thuế
2025
23.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.8| 421%

Cơ cấu sở hữu

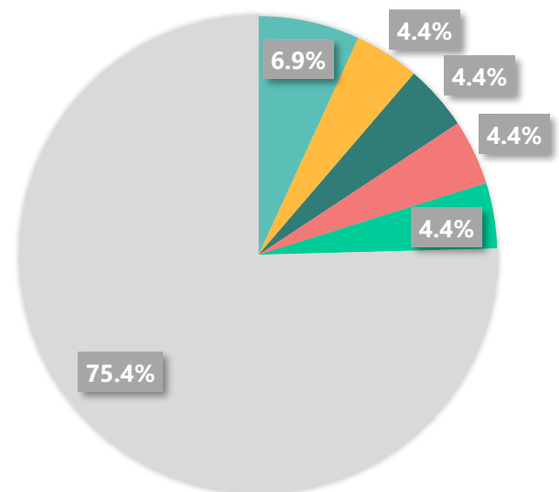


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



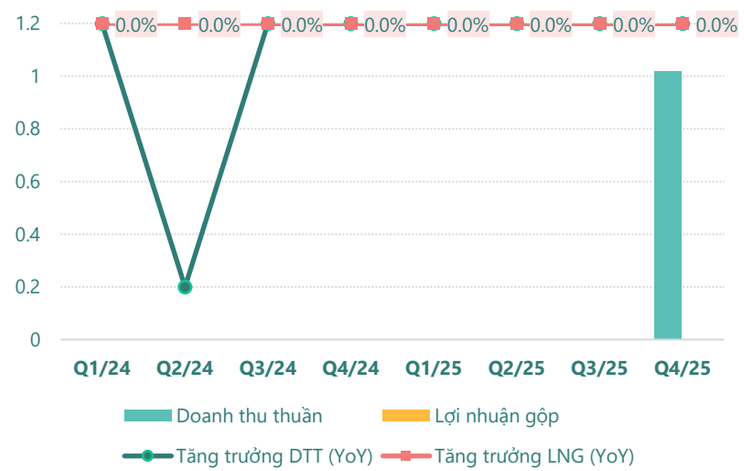
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

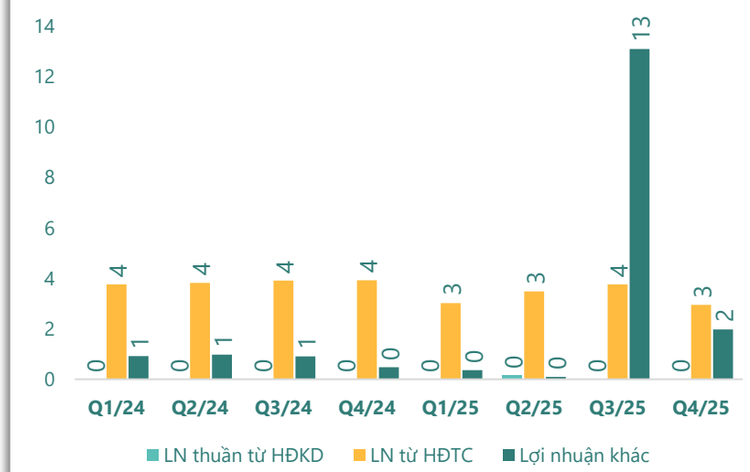
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



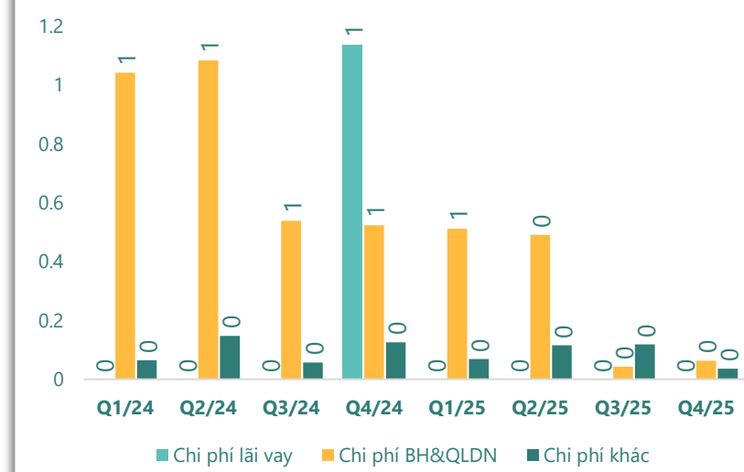
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



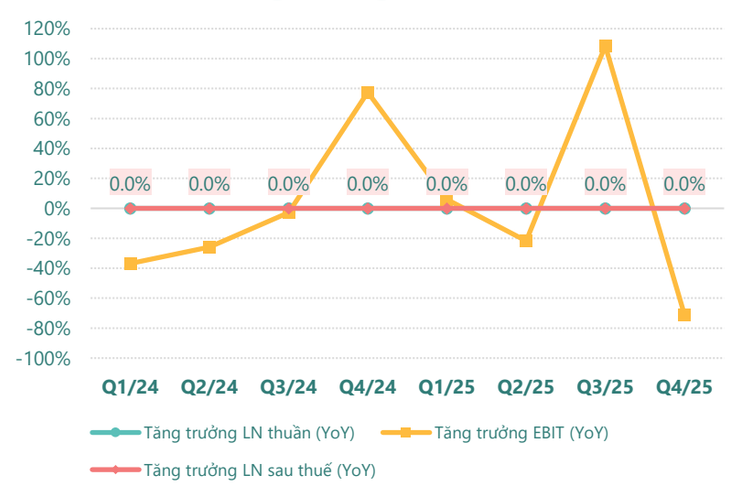
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



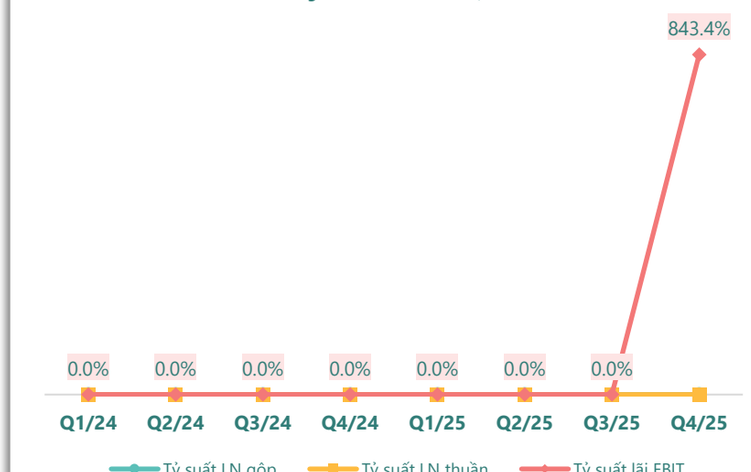
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



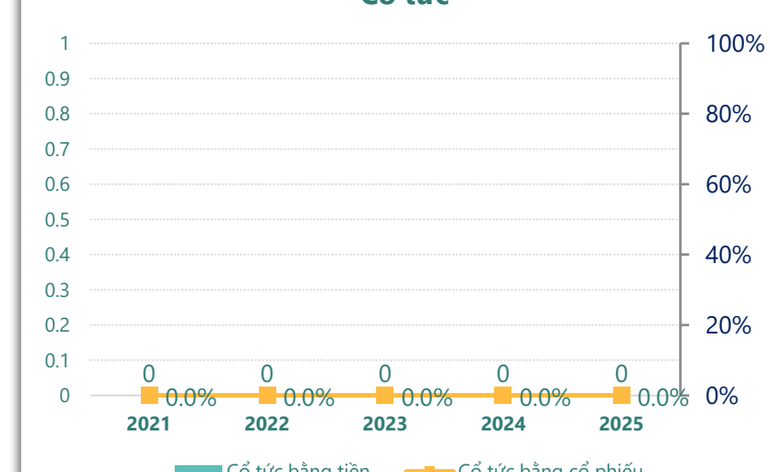
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



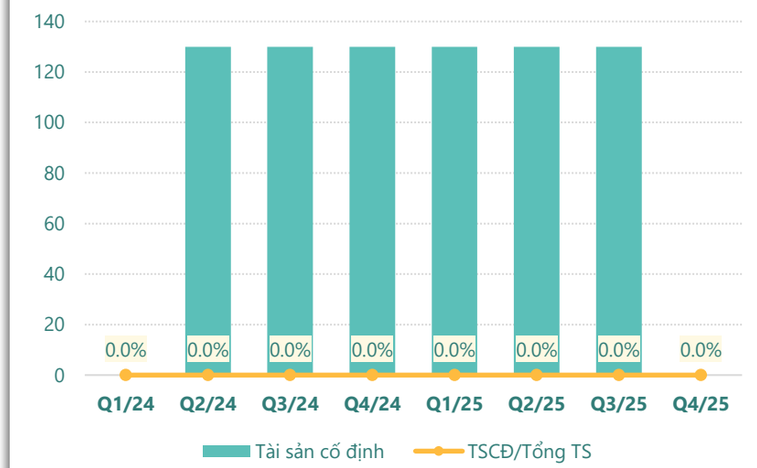
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



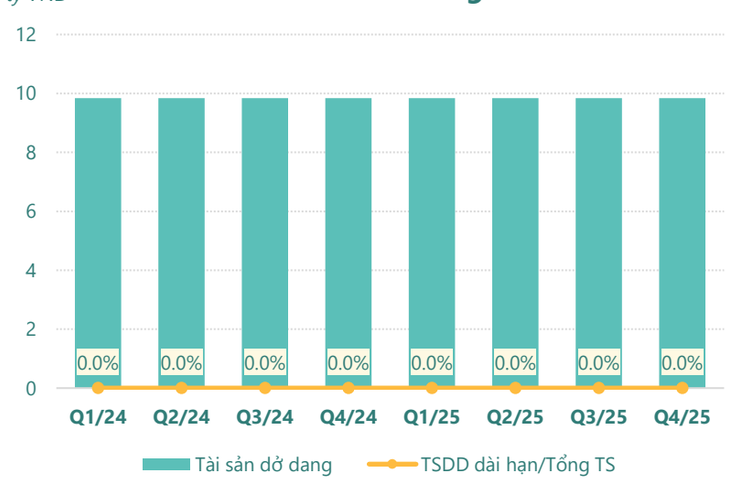
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



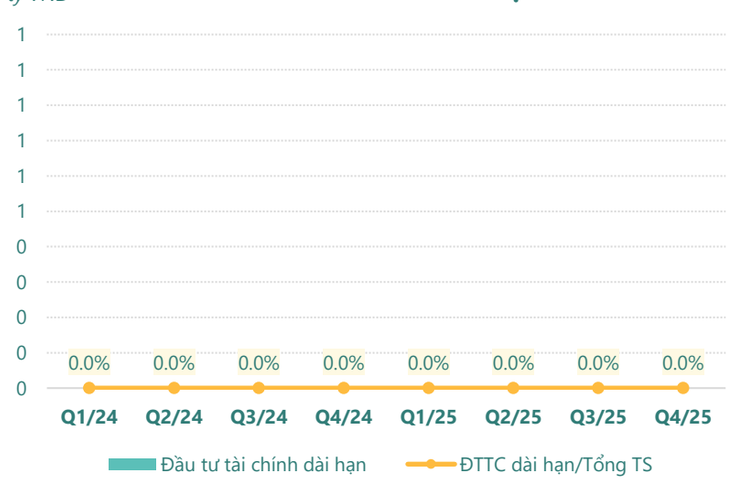
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



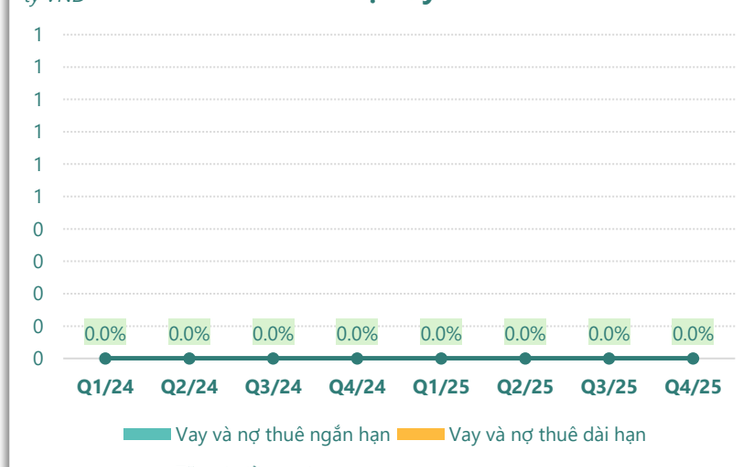
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

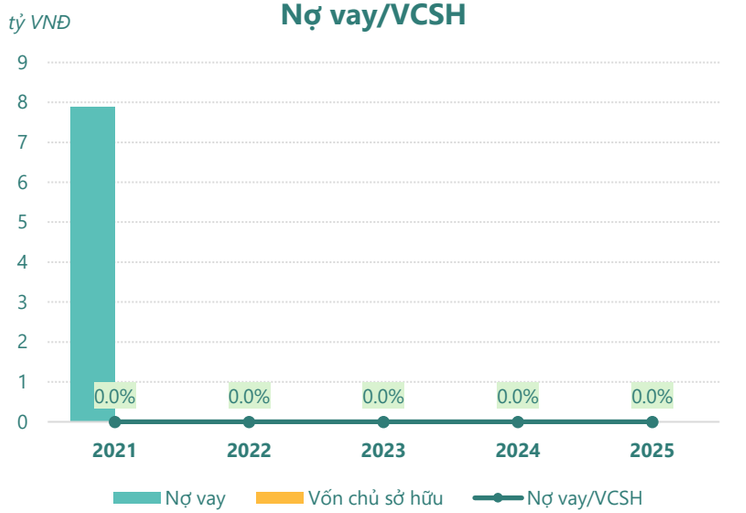
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

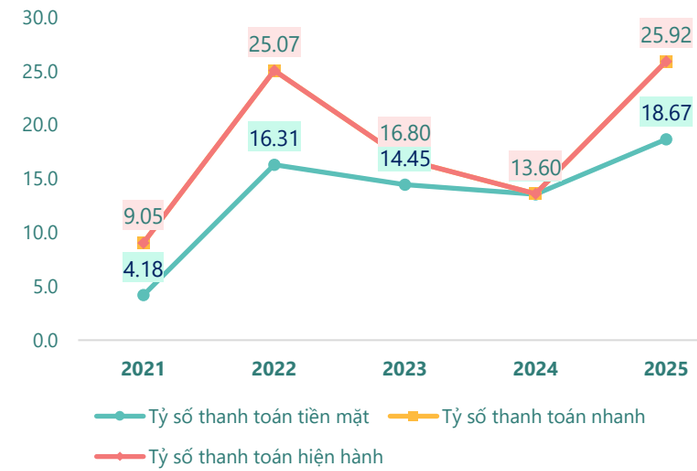
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



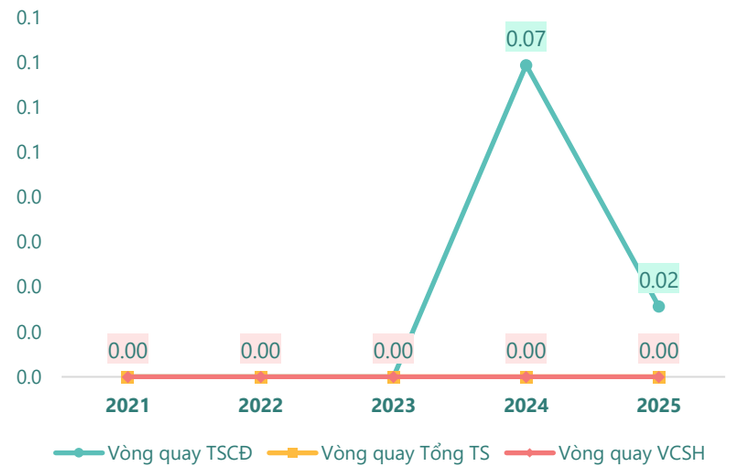
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



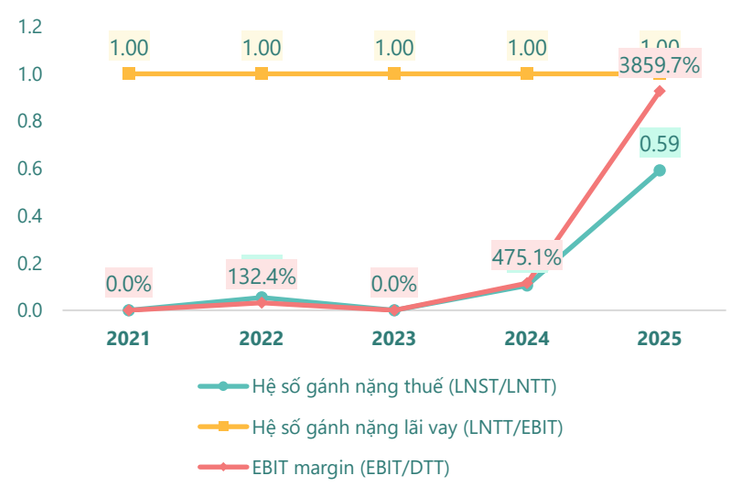
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



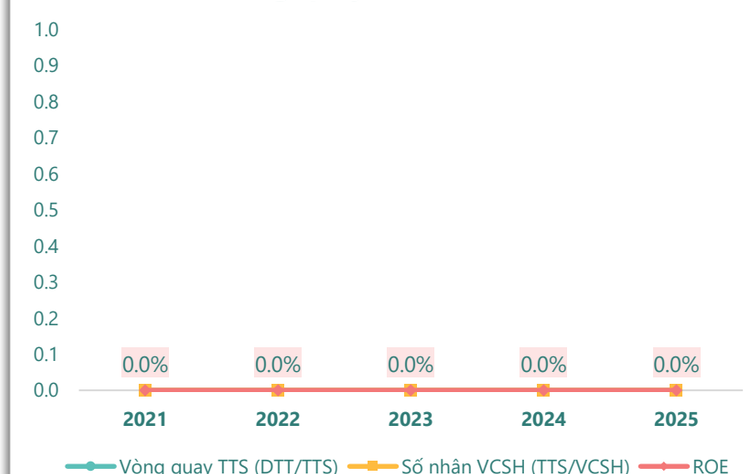
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



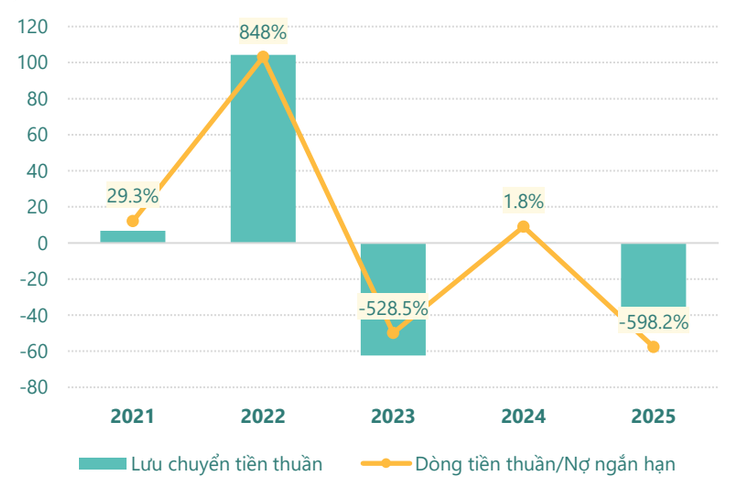
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.02**	**0.00**		**1.02**	**9.02**	**-88.7%**
Giá vốn hàng bán	2.55	0.00		2.55	10.6	-76.0%
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0	
Doanh thu HĐTC	2.95	3.93	-25.0%	13.2	15.6	-15.4%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.00	0.20	-99.7%
Chi phí lãi vay	0	1.14	-100%	0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.06	0.52	-87.8%	1.11	3.19	-65.2%
Chi phí QLDN	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN thuần từ HĐKD	0	0.00		0.15	0.05	175%
Lợi nhuận khác	**1.98**	**0.48**	**313%**	**15.5**	**3.71**	**318%**
LN trước thuế	8.60	6.20	38.8%	39.4	42.9	-8.2%
Lợi nhuận sau thuế	**3.51**	**4.47**	**-21.5%**	**23.3**	**4.47**	**421%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0**	**0.00**		**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.35	7.00	8.36	-4.91	15.4	-68.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.23	0	0	0.59	-0.59	-0.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	46.8	43.2	50.2	58.5	54.2	69.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.57**	**7.00**	**8.36**	**-4.32**	**14.8**	**-68.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	43.2	50.2	58.5	54.2	69.0	0.24

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**0**	**0**	
Tài sản ngắn hạn	216	225	-3.9%
Tiền và tương đương tiền	156	225	-30.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	40.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**0.45**	**0.56**	**-19.5%**
Phải thu dài hạn	60.0	0.02	300140%
Tài sản cố định	0	130	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.84	9.84	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.19**	**0.16**	**14.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8.35	16.6	-49.6%
Nợ ngắn hạn	**8.35**	**16.6**	**-49.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)